

Số: 470/QĐ-UBND

Giang Thành, ngày 15 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công năm 2021-2025 trên địa bàn huyện Giang Thành;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành về việc kế hoạch đầu tư năm 2023 trên địa bàn huyện Giang Thành;

Căn cứ Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ - UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2023 trên địa bàn huyện Giang Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại cơ quan, đơn vị

Điều 2. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện, BQL dự án ĐTXD, phòng Kinh tế và Hạ tầng, Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*llh*

Nơi nhận: *llh*

- Như điều 3;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Tạ Văn Dũng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Giang Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
								Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước	Vốn huy động (hiến đất, ngày công)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG							156.275	156.273		233.727	62.693	167.143			
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH							76.275	76.273		153.727	32.693	87.195			
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC							24.999	24.999		92.727	7.897	32.824			
a	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương							24.999	24.999		26.500	7.897	17.824			
a.1	Công trình chuyển tiếp							24.999	24.999		25.000	7.897	16.824			
1	Công viên hồ nước trung tâm hành chính huyện Giang Thành	TKH		7886350	312	2021-2023	1821(29/10/20)	15.000	15.000		15.000	5.803	9.000			
2	Trung tâm chính trị huyện Giang Thành	TKH		7907363	341	2021-2023	1178(05/7/21)	9.999	9.999		10.000	2.094	7.824			
a.2	Công trình mới										1.500		1.000			
1	Hàng rào và sân nền UBND xã Vĩnh Phú	VP									1.500		1.000			
b	Giao thông theo tiêu chí										66.227		15.000			
b.1	Công trình bố trí mới										66.227		15.000			
1	Nâng cấp và mở rộng đường T4	VP				2023-2025					25.000		5.000			
2	Nâng cấp và mở rộng đường kênh K1	VP				2023-2024					21.000		5.000			
3	Nâng cấp và mở rộng đường kênh K3	VP				2023-2025					20.227		5.000			
II	NGUỒN THU XÓ SỔ KIẾN THIẾT							51.276	51.274		61.000	24.796	52.571			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước	Vốn huy động (hiến đất, ngày công)		Tổng số	Trong đó	
								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13	14	15	16		
a	Phân bổ theo tiêu chí, định mức 2021-2025							23.886	23.886		36.000	14.088	31.763					
a.1	Công trình chuyển tiếp							23.886	23.886		23.900	14.088	9.663					
1	Trường Tiểu học Phú Mỹ	PM		7894760	072	2021-2023	2375(31/12/20)	12.900	12.900		12.900	4.428	8.400					
2	Trường TH&THCS Vĩnh Điều	VĐ		7889899	072	2021-2023	1842(30/10/20)	10.986	10.986		11.000	9.660	1.263					
a.2	Công trình bố trí mới										12.100		22.100					
1	Trường TH Trần Thệ	PM				2023-2024					6.200		6.200					
2	Trường mầm non Tân Khánh Hòa	TKH				2023-2024					5.900		5.900					
3	Nâng cấp và mở rộng đường kênh Giữa	VĐ-VP				2023-2025					33.500		10.000					
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công												190					
b	Giao thông theo tiêu chí							27.390	27.388		25.000	10.708	20.618					
b.1	Công trình chuyển tiếp							27.390	27.388			10.708	16.500					
1	Đường NT6 bờ tây	VĐ		7953836	292	2022-2023	1016(27/4/22)	10.400	10.400			3.808	6.500					
2	Đường HT1	TKH		7955399	292	2022-2023	1007(25/4/22)	8.962	8.960			3.400	5.500					
3	Mở rộng đường Giang Thành - Đầm Chít	TKH		7955396	292	2022-2023	1067(10/5/22)	8.028	8.028			3.500	4.500					
b.2	Công trình bố trí mới										25.000		4.118					
1	Nâng cấp và mở rộng đường T4	VP				2023-2025					25.000		4.118					
III	NGUỒN VỐN TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT												1.800					
1	Tuyển dân cư Đầm Chít	TKH											1.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước	Vốn huy động (hiến đất, ngày công)		Tổng số	Trong đó	
								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13	14	15	16		
2	Tuyển dân cư Phú Mỹ	PM											800					
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							80.000	80.000		80.000	30.000	30.000					
1	Bờ kè chống sạt lở kênh Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính-khu dân cư Đầm Chít)	TKH		7930515	283	2023-2025	2622(14/10/21)	80.000	80.000		80.000	30.000	30.000					
C	VỐN SỰ NGHIỆP												49.948					
I	NGHỊ ĐỊNH 35/2015/NĐ-CP												27.000					
a	Công trình bố trí mới												10.500					
1	Đường kênh Năng (T4-T5)	VP	"			2023							2.900					
2	Lộ bê tông bờ tây kênh NT3 (HT4-kênh Giữa)	VĐ	"			2023							7.600					
b	Kết dự năm 2022												16.500					
1	Đường kênh Năng (T4-T5)	VP	"			2023							1.500					
2	Mở rộng đường HT1 (bờ tây)	TKH	"			2023							11.800					
3	Cống Rạch Sách	PL				2023							3.200					
II	CÁP BÙ MIỄN THỦY LỢI PHÍ												9.948					
a	Công trình bố trí mới												9.948					
1	Kênh HN1	PL-TKH	"			2023							1.300					
2	Kênh HN2	PL-TKH	"			2023							1.300					
3	Kênh HT3	VĐ-VP	"			2023							698					
4	Kênh Trà Phô - Tà Teng	PL	"			2023							1.000					
5	Kênh 13 (Nông Trường -T3)	VP	"			2023							1.400					
6	Kênh Đường Tượng	TKH	"			2023							650					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Vốn huy động (hiến đất, ngày công)	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ đọng xây dựng cơ bản
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13	14	15	16
7	Kênh Cà Ngay - Rạch Gổ	PL	"			2023							350			
8	Kênh HN3	PL-TKH	"			2023							1.400			
9	Kênh NT3 (HT4 - Kênh Giữa)	VĐ	"			2023							750			
10	Kênh K2	PM	"			2023							350			
11	Kênh HT4	VĐ	"			2023							750			
III	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG												13.000			
1	Cụm dân cư chợ Trà Phô, chợ Tà Teng	PM											2.400			
2	Cụm dân cư chợ Đầm Chít	TKH											1.800			
3	Cụm dân cư trung tâm xã Vĩnh Điều, chợ Tà Êm, chợ Đình	VĐ											4.200			
4	Cụm dân cư chợ Vĩnh Phú	VP											1.200			
5	Bảo dưỡng chăm sóc cây xanh, làm mới khuôn viên TTHC huyện ủy, UBND huyện	TKH											3.400			